*PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ (FOR OFFICIAL USE)*

*Ngày cấp số tiếp nhận (Date acknowledged):* 25/09/2024

*Số tiếp nhận Phiếu công bố (Product Notification No):* 2148/24/CBMP-LA

*Phiếu công bố có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp.*

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH LONG AN

Huỳnh Minh Phúc

**PHIẾU CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM**

**TEMPLATE FOR NOTIFICATION OF COSMETIC PRODUCT**

þ Đánh dấu vào ô thích hợp *(Tick where applicable)*

**THÔNG TIN SẢN PHẨM**

**PARTICULARS OF PRODUCT**

1. Tên nhãn hàng và tên sản phẩm (Name of brand & product):

1.1. Nhãn hàng (Brand)

| A | C | T | I | D | E | M | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

1.2. Tên sản phẩm (Product Name)

| D | E | R | M | A | | G | E | L | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

1.3. Danh sách các dạng hoặc màu (List of Variants or Shade). Tên (Names)

2. Dạng sản phẩm (Product type(s))

☑ Kem, nhũ tương, sữa, gel hoặc dầu dùng trên da (tay, mặt, chân, ….)

*Creams, emulsions, lotions, gels and oils for skin (hands, face, feet, etc)*

□ Mặt nạ (chỉ trừ sản phẩm làm bong da nguồn gốc hóa học)

*Face masks (with the exception of chemical peeling products)*

□ Chất phủ màu (lỏng, nhão, bột)

*Tinted bases (liquids, pastes, powders)*

□ Phấn trang điểm, phấn dùng sau khi tắm, bột vệ sinh,….

*Make-up powders, after-bath powder, hygienic powders, etc.*

□ Xà phòng rửa tay, xà phòng khử mùi,…..

*Toilet soaps, deodorant soaps, etc*

Scanned with CamScanner